

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06** /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2021

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thắm, bà Đặng Thị Thơm

Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyển - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:
bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 395/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Số 83, khu 2, ấp Hưng Nhơn, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- ***Bị đơn:*** Ông Huỳnh Văn L, sinh năm: 1968

HKTT: Số 83, khu 2, ấp Hưng Nhơn, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú hiện nay: Ấp Hưng Thạnh, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(*Bà H và ông L có mặt tại phiên tòa.*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Văn L trình bày:*

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Bà H và ông L quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng 06 tháng và tự nguyện kết hôn và được UBND xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/12/1989. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng từ năm 2017 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống. Ông L không lo lắng làm ăn, quan tâm đến gia đình mà có biểu hiện không chung thủy, con trai bà H đã bắt gặp được ông L có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác vào năm 2018 tuy nhiên thực tế như thế nào bà H khai như vậy chứ không có chứng cứ chứng minh. Nhiều lần bà H đã cho ông L cơ hội thay đổi nhưng ông L vẫn chứng nào tật đấy. Từ năm 2018 đến nay vợ

chồng không sống chung nhà với nhau, ông L đã thuê nhà trọ sống thỉnh thoảng mới về thăm gia đình.

Vào tháng 6 năm 2020 bà H đã nộp đơn ly hôn nhưng đã rút đơn khởi kiện mong muốn vợ chồng có thời gian hàn gắn đoàn tụ nhưng đến nay vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung, bà H cũng xác định hết tình cảm với ông L, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và bà H cũng không còn biện pháp hàn gắn tình cảm quay về đoàn tụ nên bà Lợi yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn L.

- **Về con chung**: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Huỳnh Minh N, sinh ngày: 31/8/1993, Huỳnh Minh H, sinh ngày: 30/11/2002.

Hiện hai con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

- **Về tài sản chung**: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung**: Vợ chồng chung sống không có nợ chung.

- **Về nợ riêng**: Không có.

** Tại các bản tự khai, biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Văn L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà H quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau khoảng 1,5 năm thì tự nguyện đi đến đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/12/1989.

Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm đến khoảng năm 2017 thì thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Khoảng cuối năm 2017 do tính chất công việc là làm cây thường phải đi làm xa nhà để lấy hàng về cho con trai làm tại xưởng cây nên từ đó bà H thường nghi ngờ, ghen tuông vô cớ cho rằng ông L không chung thủy nên nhiều lần kiểm chuyện gây gổ dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên ông L cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn cũng chủ yếu do đi làm ăn xa nhà, ông L cũng có quen biết với người phụ nữ khác và càng ngày tình cảm vợ chồng không còn.

Từ cuối năm 2017 đến nay vợ chồng không sống chung nhà với nhau, không quan tâm đến nhau, ông L đi làm ăn xa nhà khoảng 03 tháng mới về Hưng Lộc một lần nhưng ông L không về nhà gặp và sống cùng bà H mà đến ở tại xưởng cây của con trai tại ấp Hưng Hiệp, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất.

Nay ông L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nhưng hiện nay ông L mong muốn có thêm cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau cùng xây dựng gia đình nên ông L không đồng ý ly hôn, tuy nhiên hiện ông L không còn biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng mà chỉ mong bà H cho cơ hội thay đổi bản thân.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Huỳnh Minh N, sinh ngày: 31/8/1993 và cháu Huỳnh Minh H, sinh ngày: 30/11/2002. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ riêng: Không có

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật. Thời hạn giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Hiện hai con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Huỳnh Văn L khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Huỳnh Văn L có nơi cư trú tại: Ấp Hưng Nghĩa, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Văn L và ông Huỳnh Văn L tự nguyện kết hôn có đăng ký và được UBND H, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/12/1989. Căn cứ các Điều 5, Điều 6 và Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, quan hệ hôn nhân của bà H và ông L là hợp pháp.

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà H thì thấy:

Theo trình bày của bà H và ông L HĐXX nhận thấy về mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Ông L thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do ông phải đi làm ăn xa nhà, ông L cũng có quen biết với người phụ nữ khác và càng ngày tình cảm vợ chồng không còn.

Trong cuộc sống gia đình ông, bà đã thiếu sự yêu thương, nhường nhịn và tôn trọng lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn kéo dài làm ảnh hưởng đến tình cảm của vợ chồng nên từ năm 2017 đến nay vợ chồng không sống chung nhà với nhau, không ai quan tâm đến ai, việc ai nấy làm, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục.

Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn do mâu thuẫn vợ chồng bà không thể khắc phục, giữa bà và ông L không còn tình cảm yêu thương lẫn nhau, ông L không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn thương vợ con nhưng ông không còn biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong cuộc sống của bà H và ông L đã để xảy ra mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục, cuộc sống chung của ông, bà không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng ly hôn của bà H là chính đáng, căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông L có 02 con chung là cháu Huỳnh Minh N, sinh ngày: 31/8/1993 và cháu Huỳnh Minh H, sinh ngày: 30/11/2002. Hiện hai con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên HĐXX không phải xem xét việc giao con cũng như cấp dưỡng nuôi con trong bản án này.

[2.3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 5; Điều 6, Điều 8 luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

Áp dụng các Điều 51, 56 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của bà Huỳnh Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho bà Huỳnh Văn L và ông Huỳnh Văn L được ly hôn.

2. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009989 ngày 25/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Bà H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà H và ông L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. T;
- Chi cục THADS H.T;
- UBND xã Hưng Lộc, h T,

- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Quang Phúc